

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm, lo lắng cho gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, chị và anh T ly thân cách đây sáu năm, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung gồm có cháu Trần Ngọc H, sinh năm 2005 và cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 16/4/2006, đang sống chung với chị C. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Y, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh T chung sống vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AP theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị C xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không quan tâm, lơ lửng cho gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân cách đây sáu năm. Đối với anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị C. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Thị C được ly hôn anh T.

[3] Xét yêu cầu nuôi con, thấy rằng: Cháu H đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp. Cháu Y đang sống chung với chị C vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và cháu có nguyện vọng sống chung với chị C. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Y cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị C, cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 16/4/2006 cho chị Lê Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000774 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị C đã nộp đủ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng